

Bản án số: 130/2025/HS-ST
Ngày: 18/3/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Thanh Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hoa.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà La Nguyễn Minh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thu Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 77/2025/TLST-HS ngày 23 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 122/2025/QĐXXST-HS ngày 26/02/2025 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh năm 1992; HKTT: Ấp F, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Nơi cư trú: Tổ B, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Chức vụ: không; Con ông Nguyễn Văn K và bà Lê Thị Đ; Gia đình có hai chị em; Có vợ tên Châu Hải M và có 01 con chung, sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1996.

Địa chỉ: Số B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn T và chị Nguyễn Thị Ngọc H (sinh năm 1996, ngụ tại số B, khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai) quen biết nhau vào năm 2019. Vào khoảng tháng 7/2019, chị H hỏi vay mượn tiền anh T để giải quyết công việc thì anh T đồng ý. Sau đó, anh T mượn tiền của anh Trương Đại Chí N (sinh năm 1994, ngụ tại tổ B, khu phố C, phường T, thành phố B) để cho H vay. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B xác định T đã thu lợi bất chính của chị H trong 02 lần cho vay, cụ thể như sau:

Khoản vay thứ nhất: Ngày 31/7/2019, chị H vay của T số tiền 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) và thỏa thuận lãi suất là 20%/tháng nên tiền lãi mỗi tháng là 16.000.000đ (Mười sáu triệu đồng), T đồng ý và mượn của anh N số tiền 80.000.000đ (T1 mươi triệu đồng) rồi đưa cho chị H. Đến ngày 16/10/2024, chị H trả cho T số tiền lãi là 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) và chưa trả tiền gốc, tương đương 78 ngày với lãi suất thực tế là 23,08%/tháng. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng (tương ứng 20%/năm) mà T được hưởng trong lần vay này là 3.473.574đ (Ba triệu bốn trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm bảy mươi bốn đồng), số tiền thu lợi bất chính là 44.526.426đ (Bốn mươi bốn triệu năm trăm hai mươi sáu nghìn bốn trăm hai mươi sáu đồng).

Khoản vay thứ hai: Ngày 16/10/2019, chị H vay thêm T số tiền 80.000.000đ (T1 mươi triệu đồng) với lãi suất tương tự như khoản vay thứ nhất, T đồng ý và tiếp tục mượn anh N số tiền 80.000.000đ (T1 mươi triệu đồng) rồi đưa cho chị H, tổng tiền vay lần này là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) (gồm 80.000.000đ (Tám mươi triệu đồng) lần vay thứ hai và 80.000.000đ (T1 mươi triệu đồng) tiền gốc vay lần thứ nhất chưa trả) nên tiền lãi mỗi tháng là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng). Đến ngày 05/11/2019, chị H trả cho T số tiền lãi là 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng) và vẫn chưa trả tiền gốc, tương đương 21 ngày với lãi suất thực tế là 28,57%/tháng thì chị H không còn khả năng trả nợ nên T không lấy tiền lãi nữa. Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng (tương ứng 20%/năm) mà T được hưởng trong lần vay này là 1.870.386đ (Một triệu tám trăm bảy mươi nghìn ba trăm tám mươi sáu đồng), số tiền thu lợi bất chính là 30.129.614đ (Ba mươi triệu một trăm hai mươi chín nghìn sáu trăm mười bốn đồng).

Đến ngày 28/4/2020, chị H và gia đình trả hết cho T số tiền gốc 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng). Sau đó, T trả hết số tiền này cho anh N.

Số tiền lãi hợp pháp tương ứng với mức 1,67%/tháng (20%/năm) mà T được hưởng trong 02 lần cho vay (từ ngày 31/7/2019 đến ngày 05/11/2019) là

5.343.960đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi đồng), số tiền thu lợi bất chính là 74.656.040đ (Bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định lãi suất do các bên tự thỏa thuận, nhưng không vượt quá 20%/năm (tương đương 1,67%/tháng). Nguyễn Văn T đã cho chị Nguyễn Thị Ngọc H vay tiền trong 02 lần vay với lãi suất từ 23,08%/tháng đến 28,57%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên mức lãi suất cao nhất quy định theo Bộ luật dân sự. Số tiền T sử dụng để cho vay là 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng), số tiền lãi đã thu lợi bất chính là 74.656.040đ (Bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Tại Cáo trạng số: 119/CT-VKSBH-HS ngày 22/01/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên trình bày lời luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức hình phạt tiền từ 80 triệu đến 100 triệu đồng.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không nộp thêm tài liệu chứng cứ nào khác, bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố của Viện kiểm sát và lời nói sau cùng của bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Đối với hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2] Về pháp luật áp dụng và xác định tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai của bị cáo phù hợp chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai người làm chứng. Từ đó có đủ cơ sở để kết luận:

Từ ngày 31/7/2019 đến ngày 05/11/2019, Nguyễn Văn T đã có hành vi sử dụng số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) cho chị Nguyễn Thị Ngọc H vay với lãi suất từ 23,08%/tháng đến 28,57%/tháng đã vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để thu lợi bất chính số tiền 74.656.040đ (Bảy mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi sáu nghìn không trăm bốn mươi đồng).

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đã cấu thành tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Hành vi cho vay lãi nặng mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm trực tiếp các quy định của Nhà nước về trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực tài chính, làm cho người vay lâm vào hoàn cảnh khó khăn vì phải trả lãi suất quá cao, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trong nhân dân. Vì vậy, cần phải xử lý nghiêm minh trước pháp luật để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên là tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3] Về biện pháp tư pháp:

- Buộc bị cáo Nguyễn Văn T nộp số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) là phương tiện bị cáo sử dụng vào việc phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 5.343.960đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi đồng) là số tiền lãi tương ứng 20%/năm phát sinh từ hành vi phạm tội để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 74.656.040đ (Bảy mươi bốn triệu sáu trăm mười sáu nghìn không trăm bốn mươi đồng), chị Nguyễn Thị Ngọc H và bị cáo đã tự thỏa thuận, chị H không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

* Đối với anh Trương Đại Chí N: Đã có hành vi cho Nguyễn Văn T mượn tiền để cho Nguyễn Thị Ngọc H vay. Tuy nhiên, anh N không biết T mượn tiền để cho H vay lấy lãi và anh N cũng không lấy lãi của T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý hình sự là phù hợp.

* Đối với Nguyễn Thị Ngọc H: Quá trình điều tra, H khai H đứng ra vay giùm cho chị Vũ Đông V (Sinh năm 1993, thường trú tại số E, khu phố A, phường

T, thành phố B) của những người sau: Nguyễn Lâm Tuấn A, Nguyễn Tiến K1, Phạm Hoàng T2, Bùi Ngọc Hoàng V1, Lê Bá Khánh T3, Nguyễn Văn H1, Hoàng Ngọc T4, Phan Công H2, Nguyễn Hồ Ngọc T5, Nguyễn Thị M1, Phan Tuấn N1 và 02 người không rõ nhân thân, lai lịch). H1 khai nhận, khi vay tiền những người trên H1 chỉ nói để giải quyết công việc, không ai biết H1 đứng ra vay giùm V và H1 cũng không thu lợi bất chính từ các khoản vay này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý hình sự đối với H1 là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Lâm Tuấn A, Nguyễn Tiến K1, Phạm Hoàng T2, Bùi Ngọc Hoàng V1 đã có hành vi cho H1 vay tiền với mức lãi suất vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính nên đã bị xử lý theo quy định là phù hợp.

- Đối với Nguyễn Thị M1 đã có hành vi cho Nguyễn Thị Ngọc H mượn tiền, tuy nhiên chị M1 không lấy lãi suất đối với H nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không xử lý hình sự là phù hợp.

- Đối với Phan Công H2, Hoàng Ngọc T4, Phan Tuấn N1: H2 khai nhận có cho H vay tiền nhưng với mức lãi suất 7%/tháng, T4 cho H vay tiền với mức lãi suất 05%/tháng và Phan Tuấn N1 khai nhận có cho H vay tiền nhưng không nhớ mức lãi suất bao nhiêu. Ngoài lời khai của H, không còn tài liệu nào khác chứng minh việc H2, T4 và N1 cho H vay tiền với mức lãi suất vượt gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự để thu lợi bất chính nên không xử lý hình sự là phù hợp.

- Đối với Lê Bá Khánh T3, Nguyễn Văn H1, Nguyễn Hồ Ngọc T5 và 02 người chưa rõ nhân thân, lai lịch. Hiện chưa làm việc được nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh xử lý sau là phù hợp.

[5] Về án phí HSST: Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 90.000.000đ (chín mươi triệu đồng).

2. Về xử lý vật chứng:

- Buộc Nguyễn Văn T nộp số tiền 160.000.000đ (Một trăm sáu mươi triệu đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

- Buộc Nguyễn Văn T nộp số tiền 5.343.960đ (Năm triệu ba trăm bốn mươi ba nghìn chín trăm sáu mươi đồng) để sung vào Ngân sách Nhà nước.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14;

Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Cơ quan CSĐT Công an thành phố Biên Hòa;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS thành phố Biên Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo; người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Thị Thanh Thủy